

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 32/2021/HSST

Ngày 31- 8- 2021.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Thành.

2. Ông Nguyễn Văn Quang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Cẩm- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2021/TLST-HS ngày 22/7 /2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST - HS ngày 17/8/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T1 (tên gọi khác: không có), sinh ngày 13 tháng 12 năm 1969, tại Quảng Nam.

Nơi cư trú: đường P, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Thợ mộc, trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C1 (đã chết) và bà Trần Thị X, sinh năm 1944 (còn sống); Gia đình có 07 anh em; bị cáo đã ly hôn; Có 01 con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: năm 1988 bị Tòa án nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) xử phạt 12 tháng tù treo về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 22/01/2021, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Bà Đỗ Thị Thu M, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: đường N, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1) Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: đường O, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

2) Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: đường O, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

3) ông Phan Phước T2, sinh năm 1958.

Địa chỉ: đường P, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

4) ông Võ Đức L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: khối H, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

5) ông Trần Anh K, sinh năm 1981.

Địa chỉ: khối B, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, Có mặt tại phiên tòa.

6) ông Phan Hoài C2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khối B, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối năm 2018, Nguyễn Tấn T1 và Đỗ Thị Thu M có quan hệ tình cảm nên bà Đỗ Thị Thu M rất tin tưởng Nguyễn Tấn T1. Trong thời gian này, Đỗ Thị Thu M có cho người khác vay tiền và Nguyễn Tấn T1 là người đứng ra giới thiệu nhiều người vay tiền của bà M. Việc vay mượn tiền được ghi vào cuốn vở học sinh (*có bìa màu hồng xanh, trên bìa có chữ Quê Hương và và nhãn hiệu T.T Book*). Cụ thể từng lần như sau:

- Lần thứ 1: vào ngày 07/5/2019, Nguyễn Tấn T1 giới thiệu Nguyễn Thanh N (sinh năm: 1989; trú: phường T, thành phố H) đến vay Đỗ Thị Thu M số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) với lãi suất 8%/tháng (tám phần trăm trên tháng). M đưa cho N một quyển vở học sinh ghi sẵn mẫu giấy mượn tiền còn chưa thông tin người vay để N tự viết và ký tên vào. Sau đó, M đưa cho N số tiền là 18.400.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng) sau khi trừ lãi tháng đầu tiên là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng). Số tiền này, bà M và N tự thỏa thuận giải quyết.

- Lần thứ 2: vào ngày 14/5/2019, chị Nguyễn Thị Ngọc A (sinh năm: 1987; trú: phường T, thành phố H, là chị ruột của Nguyễn Thanh N) có nhu cầu vay tiền nên A thông qua N đến gặp Nguyễn Tấn T1 nhờ T1 giới thiệu để vay tiền của Đỗ Thị Thu M, T1 yêu cầu A vay thêm cho T1 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) thì A đồng ý nên sau khi liên lạc với M, Nguyễn Tấn T1 dẫn chị A đến gặp M để tự viết giấy mượn số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) (trong đó, chị A vay 30.000.000 đồng và vay giúp cho Nguyễn Tấn T1 10.000.000 đồng). Sau khi

trừ lãi tháng đầu tiên là 8%/tháng tương đương với số tiền 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm ngàn đồng), M đưa cho A số tiền là 36.800.000 đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng). A đưa lại cho Nguyễn Tấn T1 số tiền 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm ngàn đồng) mà T1 nhờ vay. Số tiền này, M và A tự thỏa thuận giải quyết. Riêng T1 dùng tiền này tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 3: vào ngày 23/5/2019, do cần tiền nên Nguyễn Tấn T1 lấy sổ học sinh do M ghi sẵn mẫu giấy vay tiền rồi tự điền thêm thông tin người vay tiền là “vợ chồng Lê Văn T3 và Đặng Thị L; trú: xã D, huyện D, Quảng Nam” rồi ký tên “T3, L” (*những người này không có thật*) để viết giấy vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), xong T1 mang về giao sổ cho M để lấy số tiền 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm ngàn đồng), sau khi trừ đi tiền lãi tháng đầu tiên là 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng). Nguyễn Tấn T1 dùng số tiền trên để chơi đánh bạc dưới hình thức chơi “Bầu, cua” trên điện thoại di động tại quán cà phê bên cạnh Công ty taxi M, Tp. H thuộc thôn B, xã C, Tp. H và bị thua hết.

- Lần thứ 4: vào ngày 31/5/2019, do cần tiền nên Nguyễn Thanh N nhờ Nguyễn Tấn T1 giới thiệu N đến vay tiền của M, T1 yêu cầu N vay giúp cho T1 số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và N đồng ý nên sau khi liên lạc với Đỗ Thị Thu M, T1 dẫn N đến gặp M viết giấy mượn số tiền là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) (trong đó: N vay 30.000.000 đồng và vay giúp cho Nguyễn Tấn T1 số tiền 5.000.000 đồng). Sau khi trừ lãi tháng đầu tiên 8%/tháng tương đương số tiền là 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm ngàn đồng), M đưa cho N số tiền 32.200.000 đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng). N đưa lại cho Nguyễn Tấn T1 số tiền 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm ngàn đồng) mà T1 nhờ vay. Số tiền này, M và N tự thỏa thuận giải quyết. Số tiền 4.600.000 đồng T1 dùng tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 5: vào ngày 22/6/2019, do cần tiền nên T1 liên lạc với Đỗ Thị Thu M nói có người cần vay số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bà M đồng ý nên T1 lấy quyển sổ học sinh ghi giấy mượn tiền của bà M rồi tự điền thông tin người vay tiền là “Lê Quang T4; trú: đường H, thành phố T, Quảng Nam làm việc tại Công ty M” (*người này không có thật*) vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) rồi ký tên “T4” xong mang về đưa cho M lấy số tiền sau khi trừ lãi tháng đầu tiên là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) tương đương với lãi suất 8%/tháng còn lại là 18.400.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Nguyễn Tấn T1 dùng số tiền trên để chơi đánh bạc dưới hình thức chơi “Bầu cua” trên điện thoại di động tại quán cà phê bên cạnh Công ty taxi M, thành phố H.

- Lần thứ 6: vào tối ngày 26/6/2019, Nguyễn Tấn T1 nhậu cùng Phan Phước T2 (sinh năm:1958; trú: đường P, phường M, thành phố H), trong bữa tiệc ông T2 có nói đùa với T1 là “Bữa ni làm việc rồi, có tiền cho tôi mượn đỡ mấy triệu”, T1 nghe vậy nên đến ngày hôm sau (26/6/2019), T1 nói với M là có anh T2 người quen của T1 cần vay 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), M đồng ý đưa cho Nguyễn Tấn T1 số tiền là 2.760.000 đồng (Hai triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) sau khi trừ lãi tháng đầu tiên 8%/tháng tương đương số tiền là 240.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ngàn đồng), Nguyễn Tấn T1 mang qua nhà của anh T2 nhưng không gặp T2 nên T1 tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

- Lần thứ 7: vào ngày 26/6/2019, do có quen biết với Nguyễn T2 N và có nhu cầu mượn tiền để giải quyết việc cá nhân nên N dẫn Võ Đức L (sinh năm: 1990; trú: khối H, phường T, thành phố H) đến gặp Nguyễn Tấn T1 để T1 giới thiệu Võ Đức L vay tiền của Đỗ Thị Thu M. Sau khi liên lạc với bà M, T1 và N nhờ Võ Đức L vay giúp thêm mỗi người số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), L đồng ý nên T1 dẫn L đến gặp M viết giấy mượn số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) (trong đó, Võ Đức L mượn 30.000.000 đồng và vay giúp cho Nguyễn Thanh N, Nguyễn Tấn T1 mỗi người 10.000.000 đồng). L đưa lại cho Nguyễn Tấn T1, Nguyễn Thanh N mỗi người 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm ngàn đồng) sau khi trừ lãi 8%. Số tiền này, bà M, N và L tự thỏa thuận giải quyết. Đối với số tiền này T1 dùng tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 8: vào đầu tháng 7/2019 (không rõ ngày cụ thể), Nguyễn Tấn T1 giới thiệu một người tên T5 ở thành phố T vay của Đỗ Thị Thu M số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với lãi suất 8%/tháng (tám phần trăm trên tháng). Khoảng một tháng sau, anh T5 đến gặp Nguyễn Tấn T1 và bà M để trả nợ xong nên Nguyễn Tấn T1 xé tờ giấy ghi nợ trên sổ mượn tiền.

- Lần thứ 9: Vào ngày 04/7/2019, do Nguyễn Thanh N, Nguyễn Tấn T1 đều có nhu cầu mượn tiền nhưng trước đó Nguyễn Thanh N đã nhiều lần vay tiền bà Đỗ Thị Thu M chưa trả nên sợ bà M không đồng ý cho vay tiếp nên mới nhờ Trần Anh K (sinh năm: 1981; trú: khối B, phường T, thành phố H, là chỗ quen biết với N và là thợ điện, nước cho nhà của N) đến gặp M để vay tiền giúp và K đồng ý. Sau khi liên lạc với bà M để M chuẩn bị tiền, bị cáo về nhà trước và gọi điện cho N chờ K đến nhà của Nguyễn Tấn T1 để gặp bà M. Tại đây, M đưa quyển sổ học sinh ghi sẵn mẫu giấy mượn tiền, còn chưa thông tin người vay, thời gian vay cho K, lúc đó K nghĩ việc mượn tiền này không liên quan đến mình nên ghi tên người mượn là “Nguyễn Hữu H; trú: khối B, phường T, số CMND: *** (số CMND cũ của K ở tỉnh Đ), vay 30.000.000 đồng, thời gian vay 05 tháng” rồi ký đại và ghi tên Nguyễn Hữu H. Sau khi ghi giấy mượn tiền xong, Nguyễn Tấn T1 nhìn thấy K ghi tên người vay là H nhưng tại lúc đó Nguyễn Tấn T1 nghĩ là tên thật của K, còn N thì không biết K ghi tên là Nguyễn Hữu H (sau này N mới biết). Sau đó, bà M đưa cho K là 27.600.000 đồng (Hai mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng) sau khi trừ lãi tháng đầu tiên là 8%/tháng tương đương số tiền là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng). K mang về và đưa toàn bộ số tiền này lại cho Nguyễn Tấn T1. Sau khi có tiền, T1 đưa cho N 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm ngàn đồng) (sau khi trừ lãi tháng đầu tiên là 800.000 đồng). Số tiền còn lại T1 dùng tiêu xài cá nhân hết. Trong việc vay mượn tiền này, K không lấy hay hưởng lợi gì từ số tiền K đứng ra vay giúp Nguyễn Thanh N, Nguyễn Tấn T1.

- Lần thứ 10: vào ngày 16/7/2019, do cần tiền nên T1 liên lạc với Đỗ Thị Thu M nói có người cần vay số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), bà M đồng ý nhưng hẹn hôm sau mới đưa tiền. T1 lấy quyển sổ học sinh ghi giấy mượn tiền tự viết thông tin người vay tiền là “Lê Hữu P; trú: đường T, thành phố H, số CMND ***” vay số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) hẹn 02 tháng sẽ hoàn trả, rồi ký và ghi họ tên Lê Hữu P” (người này không có thực). Đến ngày hôm sau (17/7/2019), T1 tiếp tục liên lạc với bà M nói rằng người đó cần vay thêm 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) nữa, bà M đồng ý nên T1 tiếp tục ghi

thêm vào giấy mượn tiền của Lê Hữu P vay thêm số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) rồi cũng tự ký vào xong đưa sổ cho bà M và lấy số tiền sau khi trừ lãi tháng đầu tiên 8%/tháng là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) còn lại là 27.600.000 đồng (Hai mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng). Nguyễn Tấn T1 dùng số tiền trên để chơi đánh bạc dưới hình thức chơi “Bầu cua” trên điện thoại di động tại quán cà phê bên cạnh Công ty taxi M, thành phố H và bị thua hết.

Qua điều tra đã xác định T1 đã có hành vi tự dựng lên người vay tiền (không có thật) rồi chiếm đoạt tiền của bà Đỗ Thị Thu M qua 03 (ba) lần cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 23/5/2019, T1 lấy sổ học sinh ghi sẵn giấy mượn tiền rồi tự điền thông tin người vay tiền, nội dung là: “vợ chồng Lê Văn T3 và Đặng Thị L” mượn số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với lãi suất 8%/tháng để lấy của M số tiền 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm ngàn đồng).

- Lần thứ hai: Ngày 22/6/2019, với thủ đoạn tương tự Nguyễn Tấn T1 tự điền thông tin người vay tiền là “Lê Quang T4; trú: đường H, thành phố T, Quảng Nam, làm việc tại Công ty M” vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) rồi ký tên xong đưa về cho M để lấy số tiền 18.400.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng) sau khi trừ tiền lãi là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng).

- Lần thứ ba: Ngày 16/7/2019, do cần tiền nên T1 liên lạc với Đỗ Thị Thu M nói có người cần vay số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), bà M đồng ý nhưng hẹn hôm sau mới đưa tiền. T1 lấy quyển sổ học sinh ghi giấy mượn tiền tự viết thông tin người vay tiền là “Lê Hữu P; trú: đường T, thành phố H, số CMND ***” vay số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) hẹn 02 tháng sẽ hoàn trả, rồi ký và ghi họ tên Lê Hữu P” (*người này không có thực*). Đến ngày hôm sau (17/7/2019), T1 tiếp tục liên lạc với bà M nói rằng người đó cần vay thêm 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) nữa, bà M đồng ý nên T1 tiếp tục ghi thêm vào giấy mượn tiền của Lê Hữu P vay thêm số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) rồi cũng tự ký vào xong đưa sổ cho bà M và lấy số tiền sau khi trừ lãi tháng đầu tiên 8%/tháng là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) còn lại là 27.600.000 đồng (Hai mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tổng cộng, Nguyễn Tấn T1 chiếm đoạt của Đỗ Thị Thu M số tiền là 55.200.000 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Tấn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKSHA ngày 22.7.2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T1 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của

Bộ luật Hình sự năm 2015; đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T1 từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt giam.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 589 BLDS buộc bị cáo Nguyễn Tấn T1 phải bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho bà Đỗ Thị Thu M và bồi thường thiệt hại cho ông Phan Hoài C2.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình theo như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn T1 khai nhận: Bị cáo Nguyễn Tấn T1 và bà Đỗ Thị Thu M có quan hệ tình cảm nên bà M tin tưởng Nguyễn Tấn T1. Trong thời gian quen biết, Nguyễn Tấn T1 biết bà M có cho người khác vay tiền và có nhờ T1 phụ giúp đứng ra giới thiệu người cần vay tiền, nên T1 đã lợi dụng sự tin tưởng của bà M tự dựng lên người vay có tên: vợ chồng Lê Văn T3 và Đặng Thị L; Lê Quang T4 và Lê Hữu P rồi chiếm đoạt tiền của bà Đỗ Thị Thu M 03 (ba) lần với tổng số tiền là 55.200.000 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng). Lời khai nhận tội của bị cáo T1 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố cũng như phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 55.200.000 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng). Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác như đã nêu ở trên của bị cáo T1 theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức việc thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Tuy nhiên, chỉ vì đam mê cờ bạc mà bị cáo đã liên tiếp thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của bị cáo khi phạm tội, cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian rèn luyện trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4]- Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Tấn T1 thực hiện hành vi phạm tội từ hai lần trở lên thuộc tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo có cha là thương binh. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

[5] Ngoài ra, đối với Trần Anh K và Nguyễn Thanh N vào ngày 04/7/2019, Trần Anh K nhận lời của Nguyễn Thanh N và Nguyễn Tấn T1 đến gặp bà Đỗ Thị Thu M để viết giấy mượn tiền giúp nhưng K không dùng tên thật của mình mà dùng tên “Nguyễn Hữu H” để mượn tiền. Tuy đây là thông tin gian dối nhưng xét hoàn cảnh thực tế thì tại thời điểm đó việc bà M đưa tiền cho K mượn hay không, không phụ thuộc vào việc K ghi tên thật hay giả hay nói cách khác là dù K ghi tên gì thì bà M cũng đưa tiền cho K. Khi cho K vay tiền thì bà M cũng không kiểm tra, hỏi K tên gì? cụ thể, ở đâu? mà chỉ đưa cho mẫu giấy để điền thông tin, việc K ghi tên không đúng vì muốn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ (K khai do việc này không liên quan đến mình nên mới ghi tên giả) mà thực tế số tiền này cũng không phải mượn cho K và bản thân K không có được lợi ích gì trong việc vay tiền này. Hơn nữa, K chỉ ghi tên không đúng, còn số chứng minh nhân dân thì vẫn ghi là số chứng minh nhân dân của K. Thêm vào đó, N và T1 đều khai là không biết K dùng tên giả để viết giấy mượn tiền của bà M. Do cần tiền nên Nguyễn Tấn T1, Nguyễn Thanh N mới nhờ Trần Anh K giúp họ vay tiền của bà M đây là giao dịch dân sự nhưng khi viết giấy mượn tiền K viết không đúng tên của mình vào sổ ghi giấy nợ, có thể xem đây là thông tin gian dối nhưng việc này K không có ý thức chiếm đoạt tiền của bà M. Do đó chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên không đề cập xử lý hình sự đối với Trần Anh K, Nguyễn Thanh N và Nguyễn Tấn T1 trong lần vay tiền này.

Đối với việc thỏa thuận chơi biêu của Đỗ Thị Thu M và Nguyễn Tấn T1 sau đó hốt một chân biêu là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) để mua xe mô tô Honda AirBlade biển số 92C1-***.38. Chân biêu hốt để trả tiền xe là tiền chơi biêu của T1 vì thực tế giữa Nguyễn Tấn T1 và bà M có thỏa thuận chơi 02 (hai) chân biêu, trong đó T1 chơi một chân và bà M chơi một chân. Tiền chơi biêu là do bà M bỏ ra góp nhưng T1 cũng được M chung một chân biêu qua việc phụ giúp M bán hàng và thu nợ, mặc dù không thường xuyên như yêu cầu của M nhưng tại thời điểm hốt biêu và đưa cho T1 số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) này, đây là một giao dịch dân sự, phát sinh tranh chấp giữa bà M và Nguyễn Tấn T1 nên việc Cơ quan CSĐT Công an thành phố H không xử lý là có căn cứ.

Đối với hành vi “Đánh bạc” của Nguyễn Tấn T1. Qua làm việc, T1 khai nhận dùng số tiền 55.200.000 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng) để chơi đánh bạc dưới hình thức chơi “Bầu, cua” trên điện thoại di động tại quán cà phê bên cạnh Công ty taxi M, thành phố H nhưng khai không nhớ người đánh bạc chung. Do đó, Cơ quan CSĐT tách riêng hành vi “Đánh bạc” của Nguyễn Tấn T1 để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với bà Đỗ Thị Thu M: Đã có hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất 8%/tháng tương đương 96%/năm (Chín mươi sáu phần trăm trên năm, chưa vượt quá 100%/năm); bản thân bà M chưa bị xử phạt hành chính hoặc bị kết án về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Điều 201 Bộ Luật hình sự nên không đề cập xử lý.

Đối với việc vay tiền giữa Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thị Ngọc A, Võ Đức L, Bùi Thị Bích V với bà Đỗ Thị Thu M là giao dịch dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đối với số tiền 2.760.000 đồng (Hai triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) mà Nguyễn Tấn T1 đã lấy của bà Đỗ Thị Thu M nhưng không đưa cho anh Phan Phước T2 mượn vào ngày 26/6/2021, chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nên không xử lý.

Đối với số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) mà Nguyễn Tấn T1 vay mượn của bà Đỗ Thị Thu M, đây là giao dịch dân sự nên không đề cập xử lý.

Đối với việc báo mất 08 (tám) chỉ vàng trị giá 26.880.000 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) theo Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL- ĐGTS ngày 09/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thành phố H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tách riêng để điều tra, xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Đỗ Thị Thu M yêu cầu Nguyễn Tấn T1 phải đền bù số tiền mà T1 đã chiếm đoạt của bị hại. Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bà M 55.200.000 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng). Ông Phan Hoài C2 yêu cầu bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đây là số tiền thiệt hại tài sản là xe moto Honda AirBlade biển số 92C1-***.38 chủ sở hữu là ông Phan Hoài C2, bị cáo T1 thống nhất bồi thường cho ông C2 nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này và bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Phan Hoài C2 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[7] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại 01 (một) chiếc xe mô tô Honda AirBlade biển số 92C1-***.38 trên cho chủ sở hữu là ông Phan Hoài C2 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn T1 phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T1 **30**

(ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 22/01/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 589, 590, 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo Nguyễn Tấn T1 phải bồi thường cho bà Đỗ Thị Thu M 55.200.000 đồng (năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng); bồi thường cho ông Phan Hoài C2 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật bà Đỗ Thị Thu M và ông Phan Hoài C2 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Nguyễn Tấn T1 không tự nguyện thi hành số tiền trên còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo Nguyễn Tấn T1 phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 3.260.000 (*Ba triệu hai trăm sáu chục ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (31/8/2021). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Công an thành phố Hội An;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục T.H.A dân sự TP. Hội An;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn, THA.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Nhạn

